

**Bản chi tiết sản phẩm**  
Ngày phát hành 14/07/2016  
Mã số no 8.1.022  
Hiệu đính lần 01  
Sikafloor®-161 HC

# Sikafloor® -161 HC

Chất kết dính Epoxy hai thành phần, tạo vữa tự san bằng,  
vữa trát và lớp kết nối

**Mô tả** Sikafloor®-161 HC là chất kết dính gốc nhựa epoxy hai thành phần, không dung môi, có độ nhớt thấp.

**Các ứng dụng**

- Lớp lót cho mặt nền bê tông, vữa trát xi măng và vữa trát epoxy
- Dùng cho bề mặt có độ thấm hút từ thấp đến cao
- Lớp lót cho hệ thống sàn Epoxy Sikafloor
- Chất kết dính cho vữa tự san bằng và vữa trát

**Đặc tính / Ưu điểm**

- Độ nhớt thấp
- Khả năng thấm thấu tốt
- Bám dính tuyệt hảo
- Không dung môi
- Dễ thi công
- Thời gian chờ ngắn
- Ứng dụng đa dạng

## Thông tin sản phẩm

**Dạng / Màu sắc** Nhựa - Thành phần A: chất lỏng, màu nâu nhạt  
Chất làm cứng - Thành phần B: chất lỏng, không màu

**Đóng gói** Bộ 10 kg ( thành phần A+B)  
Thành phần A : 7.9 kg/thùng  
Thành phần B : 2.1 kg/thùng

## Lưu trữ

**Điều kiện lưu trữ /Thời hạn sử dụng** 12 tháng kể từ ngày sản xuất nếu được lưu trữ đúng cách trong bao bì còn nguyên, chưa mở, ở nơi khô ráo, nhiệt độ từ +18°C đến +30°C.

## Thông số kỹ thuật

**Gốc hóa học** Epoxy

**Khối lượng thể tích** Thành phần A : ~ 1.6kg/l  
Thành phần B : ~ 1.0 kg/l  
Hỗn hợp trộn (A+B) : 1.4 kg/l (DIN ZN ISO 2811-1)

**Hàm lượng chất rắn** ~ 100% (theo thể tích) / ~ 100% (theo khối lượng)  
Tất cả giá trị đo ở nhiệt độ 23°C

Construction



## Các đặc tính về cơ / lý

Cường độ nén	~ 60 N/mm <sup>2</sup> (28 ngày/ +23°C)	(EN 196-1)
Cường độ uốn	~ 30 N/mm <sup>2</sup> (28 ngày/+23°C)	(EN 196-1)
Cường độ bám dính	> 1.5 N/mm <sup>2</sup> ( phá hỏng bê tông)	(ISO 4624)
Độ cứng shore D	76 (7 ngày/ +23°C)	(DIN 53 505)

## Khả năng kháng

### Kháng nhiệt

Tiếp xúc*	Nhiệt khô
Thời gian dài	+ 50°C
Thời gian ngắn, tối đa 7 ngày	+ 80°C
Thời gian ngắn, tối đa 12h	+ 100°C

Ghi chú: Tiếp xúc với nguồn nhiệt ẩm trong thời gian ngắn lên đến +80°C trong điều kiện không thường xuyên (ví dụ vệ sinh bằng hơi nước).

(\*) Không tiếp xúc đồng thời với tác nhân hóa học và cơ học, và chỉ trong trường hợp sử dụng kết hợp với hệ thống sơn sàn epoxy Sikafloor có chiều dày khoảng 3-4 mm có rắc cát.

## Thông tin hệ thống

### Cấu tạo hệ thống

#### Lớp lót:

Bê tông có độ rỗng thấp / trung bình: 1 x Sikafloor®-161 HC

Bê tông có độ rỗng cao: 2 x Sikafloor®-161 HC

#### Lớp vữa san bằng mịn (độ thô mặt < 1mm):

Lớp lót: 1 x Sikafloor®-161 HC

Vữa san bằng: 1 x Sikafloor®-161 HC + cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm)  
+ Extender (chất độn)

#### Lớp vữa san bằng có độ mịn trung bình (độ thô mặt đến 2 mm):

Lớp lót: 1 x Sikafloor®-161 HC

Vữa san bằng: 1 x Sikafloor®-161 HC + cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm) + Extender T

#### Lớp vữa dày (tự san bằng từ 1.5-3.0 mm):

Lớp lót: 1 x Sikafloor®-161 HC

Lớp vữa tự san bằng: 1 x Sikafloor®-161 HC + cát thạch anh (0.1-0.3 mm)

#### Lớp vữa trát (độ dày 15 - 20 mm)/Vữa sửa chữa:

Lớp lót: 1 x Sikafloor®-161 HC

Lớp kết nối: 1 x Sikafloor®-161 HC

Lớp vữa trát: 1 x Sikafloor®-161 HC + hỗn hợp cát thích hợp

Thực tế cấp phối cát sau đây rất thích hợp để dùng cho lớp vữa trát có độ dày 15 - 20 mm:

- 25% cát thạch anh 0.1 - 0.5 mm theo khối lượng
- 25% cát thạch anh 0.4 - 0.7 mm theo khối lượng
- 25% cát thạch anh 0.7 - 1.2 mm theo khối lượng
- 25% cát thạch anh 2.0 - 4.0 mm theo khối lượng

Lưu ý: Kích cỡ hạt cát lớn nhất tối đa bằng 1/3 bề dày lớp hoàn thiện. Tùy thuộc vào hình dáng hạt và nhiệt độ thi công, nên chọn cốt liệu và hỗn hợp phù hợp nhất.

## Chi tiết thi công

Định mức/Liều dùng	Hệ thống phủ	Sản phẩm	Định mức
	Lớp lót	Sikafloor®-161HC	0.35 - 0.55 kg/m <sup>2</sup>
	Lớp vữa san bằng mịn (độ thô mặt < 1 mm)	1 phần Sikafloor®-161 HC + 0.5 phần cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm) + 0.015 phần Extender T (theo khối lượng)	1.7 kg/m <sup>2</sup> /mm
	Vữa san bằng có độ mịn trung bình (độ thô mặt đến 2 mm)	1 phần Sikafloor®-161 HC + 1 phần cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm) + 0.015 phần Extender T (theo khối lượng)	1.9 kg/m <sup>2</sup> /mm
	Lớp vữa dày (tự san bằng 1.5 – 3.0mm)	1 phần Sikafloor®-161 HC + 1 phần cát thạch anh (0.1 - 0.3 mm) + rắc cát 0.4 - 0.7mm (nếu cần)	1.9 kg/m <sup>2</sup> /mm
	Lớp kết nối	Sikafloor®-161 HC	0.3 – 0.5 kg/m <sup>2</sup>
	Vữa trát (15 – 20 mm) / Vữa sửa chữa	1 phần Sikafloor®-161 HC + 8 phần cát thạch anh (theo khối lượng)	2.2 kg/m <sup>2</sup> /mm

Lưu ý: định mức trên là lý thuyết và không bao gồm vật liệu thêm vào do độ rỗng bề mặt, hình dạng và độ bằng phẳng của bề mặt hoặc các loại hao phí khác.

<b>Điều kiện bề mặt</b>	<p>Bề mặt bê tông phải đặc chắc và đủ cường độ ( tối thiểu 25N/mm<sup>2</sup>) và cường độ kéo tối thiểu 1.5N/mm<sup>2</sup>).</p> <p>Bề mặt phải sạch, khô và không có các tạp chất bẩn, dầu mỡ, lớp sơn cũ, các chất xử lý bề mặt...</p> <p>Nếu có nghi ngờ nên làm thử ở 1 khu vực nhỏ.</p>
<b>Chuẩn bị bề mặt</b>	<p>Bề mặt phải được chuẩn bị bằng các biện pháp cơ học thích hợp như bắn nhám hoặc mài để loại bỏ bột xi măng và đạt được bề mặt có độ nhám.</p> <p>Bê tông yếu phải được loại bỏ và các khiếm khuyết như lỗ rỗng, lỗ rỗng phải được lộ thiên hoàn toàn.</p> <p>Sửa chữa bề mặt, trám các lỗ rỗng, lỗ rỗng và làm phẳng bề mặt phải được thực hiện, sử dụng các loại vật liệu thích hợp như Sikafloor®, Sikagard®, hoặc Sikadur®.</p> <p>Bề mặt bê tông hoặc vữa cán nền phải được láng hoặc làm phẳng để đạt được bề mặt bằng phẳng. Những điểm gồ ghề phải được loại bỏ, ví dụ như mài. Tất cả bụi bẩn và các thành phần dễ bong tróc phải được loại bỏ hoàn toàn trước khi thi công sản phẩm bằng các dụng cụ thích hợp như chổi hoặc máy hút bụi.</p>

### Điều kiện thi công / Giới hạn

<b>Nhiệt độ nền</b>	Thấp nhất +10°C / Cao nhất +30°C
<b>Nhiệt độ môi trường</b>	Thấp nhất +10°C / Cao nhất +30°C
<b>Độ ẩm bề mặt nền</b>	< 4% Phương pháp kiểm tra: máy đo Sika®-Tramex, phương pháp đo CM hoặc phương pháp sấy khô. Độ ẩm không tăng theo tiêu chuẩn ASTM (tấm Polyethylene).
<b>Độ ẩm tương đối</b>	Tối đa 80%
<b>Điểm sương</b>	Cần trọng với sự ngưng tụ. Nhiệt độ nền và sàn chưa khô phải cao hơn điểm sương ít nhất 3 độ C để giảm thiểu rủi ro do sự ngưng tụ hoặc có mắt cá với bề mặt hoàn thiện.

## Hướng dẫn thi công

### Tỷ lệ trộn

Thành phần A : B = 79 : 21 (theo khối lượng)

### Trộn

Khuấy đều thành phần A trước khi trộn. Sau khi toàn bộ thành phần B được đổ vào thành phần A, trộn đều trong 3 phút để đạt được hỗn hợp có độ sệt đồng nhất. Thêm cát sau khi đã trộn đều thành phần A và B. Cho thêm Sika® Extender T và trộn trong vòng 2 phút để đạt được hỗn hợp đồng nhất nếu yêu cầu. Đổ hỗn hợp sang một thùng khác và trộn tiếp để đảm bảo hỗn hợp được trộn đều. Không trộn quá lâu để giảm hiện tượng cuốn khí.

Dùng máy trộn điện ở tốc độ thấp (300 – 400 vòng/ phút) hoặc các máy trộn thích hợp khác.

Để tạo vữa thì nên dùng máy khuấy cưỡng bức có cánh quay thích hợp và phần vữa bị văng ra thì nên bỏ đi.

### Phương pháp thi công / Dụng cụ

Trước khi thi công, xác định độ ẩm bề mặt nền, độ ẩm tương đối và điểm sương. Nếu độ ẩm bề mặt nền > 4% thì hệ thống Sikafloor® EpoCem® có thể được áp dụng như là hệ thống ngăn ẩm tạm thời.

#### Lớp lót:

Đảm bảo lớp lót được phủ toàn bộ và liên tục bề mặt nền. Nếu cần thiết, thi công hai lớp. Thi công Sikafloor®-161 HC bằng cọ, con lăn hoặc bàn cào.

#### Vữa san bằng:

Các bề mặt gồ ghề cần phải được làm phẳng trước. Thi công lớp vữa san bằng bằng bàn cào / bay đạt độ dày yêu cầu.

#### Lớp vữa rắc cát :

Đổ Sikafloor®-161 HC ra sàn và dùng bay phân bố đều trên mặt nền. Tiếp đến dùng bay răng cưa gạt đều sản phẩm theo hai hướng vuông góc nhau để tạo ra độ dày đồng đều. Cát thạch anh nên rải lên sau đó 15 phút nhưng phải trước 30 phút (ở +20°C), rắc nhẹ lúc ban đầu sau đó cho nhiều hơn.

#### Lớp kết nối:

Thi công Sikafloor®-161 HC bằng cọ, con lăn hoặc bàn cào.

#### Vữa láng nền / Vữa sửa chữa:

Thi công lớp vữa láng nền lên lớp kết nối còn dính, sử dụng các thanh nẹp và thanh gạt vữa để san bằng khi cần thiết. Sau một thời gian chờ ngắn, dùng bay hoặc máy xoa nền có phủ lớp Teflon (thường có tốc độ 20 – 90 vòng/phút) để đầm và làm phẳng lớp vữa.

### Vệ sinh dụng cụ

Làm sạch các thiết bị, dụng cụ bằng chất Thinner C ngay sau khi sử dụng. Vật liệu đã khô cứng chỉ có thể loại bỏ bằng biện pháp cơ học.

### Thời gian thi công

Nhiệt độ	Thời gian
+ 10°C	~ 50 phút
+ 20°C	~ 25 phút
+ 30°C	~ 15 phút

### Thời gian chờ / Lớp phủ

Trước khi phủ Sikafloor (không dung môi) trên lớp Sikafloor®-161 HC cho phép:

Nhiệt độ mặt nền	Tối thiểu	Tối đa
+10°C	24 giờ	4 ngày
+20°C	12 giờ	2 ngày
+30°C	8 giờ	24 giờ

Trước khi phủ Sikafloor (loại có chứa dung môi) trên lớp Sikafloor®-161 HC cho phép:

Nhiệt độ mặt nền	Tối thiểu	Tối đa
+10°C	36 giờ	6 ngày
+20°C	24 giờ	4 ngày
+30°C	16 giờ	2 ngày

## Lưu ý về thi công / giới hạn

Không sử dụng Sikafloor®-161 HC trên mặt nền có độ ẩm tăng.  
Sikafloor®-161 HC mới thi công phải được bảo vệ tránh hơi ẩm, sự ngưng tụ và nước trong vòng ít nhất 24 giờ. Không để đọng nước trên bề mặt.  
Lớp lót phải được phủ đồng đều trên mặt nền.  
Lớp vữa trát Sikafloor®-161 HC không thích hợp tiếp xúc với nước dù là gián đoạn hay thường xuyên trừ khi đã hóa cứng.  
Nên tiến hành thử nghiệm trước cho hỗn hợp vữa để tìm ra cấp phối cốt liệu thích hợp.  
Đối với các mạch ngừng cần xử lý, nên theo hướng dẫn sau:  
+ Vết nứt tĩnh: dùng Sikadur hoặc Sikafloor Epoxy để trám kín và làm phẳng  
+ Vết nứt động: cần xem xét kỹ vết nứt nếu cần thiết dùng băng phủ đàn hồi được thiết kế cho khe dịch chuyển.  
Việc đánh giá và xử lý vết nứt không đúng sẽ giảm tuổi thọ công trình hoặc gây ra các vết nứt khác.

## Thời gian bảo dưỡng

Thời gian chờ sau khi thi công

Nhiệt độ	Có thể đi bộ được	Chịu tác động cơ học nhẹ	Đưa vào sử dụng hoàn toàn
+10°C	~ 24 giờ	~ 6 ngày	~ 10 ngày
+20°C	~ 12 giờ	~ 4 ngày	~ 7 ngày
+30°C	~ 8 giờ	~ 2 ngày	~ 5 ngày

Thời gian mang tính tương đối và phụ thuộc vào điều kiện môi trường.

## Thông tin về sức khỏe và an toàn

### Biện pháp bảo vệ

Trong quá trình thi công và bảo dưỡng trong phòng kín, hồ thang máy, hầm, v.v... cần được thông khí đầy đủ. Tránh xa lửa nhất là tia lửa hàn.

Áp dụng các nguyên tắc cơ bản về trang phục bảo hộ và vệ sinh công nghiệp như mang găng tay và kính bảo hộ, v.v... sẽ giúp sử dụng sản phẩm an toàn. Thay quần áo và rửa tay trước khi ăn và sau khi hoàn tất công việc.

Các qui định, hướng dẫn về an toàn và sức khỏe trên bao bì phải được tuân thủ.

### Sinh thái học

Ở trạng thái lỏng, cả 2 thành phần và chất thinner đều có thể gây ô nhiễm nước do đó không đổ xuống cống rãnh, xuống nước hoặc đất.

### Vận chuyển

Thành phần A: không nguy hiểm

Thành phần B: độc hại UN 1760 hạng 8 (IATA / IACO)

### Lưu ý quan trọng

Vật liệu chưa hòa trộn / chưa phản ứng phải được đổ bỏ theo các qui định tại địa phương. Các nguyên vật liệu nào đã hoá cứng hoàn toàn thì có thể đổ bỏ như là chất thải sinh hoạt với sự đồng ý và cho phép của chính quyền địa phương.

Thông tin chi tiết về an toàn và sức khỏe cũng như các biện pháp phòng ngừa như lý tính, độc hại và môi trường sinh thái nằm trong bảng an toàn vật liệu.

### Miễn trừ

*Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngụ ý từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.*



### Sika Limited (Vietnam)

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1  
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai  
Tel: (84-61) 3560 700 Fax: (84-61) 3560 699  
vnm.sika.com, sikavietnam@vn.sika.com

